

Số: 2144/KLTT-ĐCKS

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2016

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động khai thác, sử dụng đá ốp lát tại khu vực Khu Tu Ka, xã An Phú; khu vực Làng Lạnh, xã Liễu Đô, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái của Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Dương

Thực hiện Quyết định số 308/QĐ-ĐCKS ngày 15/4/2016 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam về việc thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra việc chấp hành pháp luật về khoáng sản trong hoạt động khai thác, sử dụng đá ốp lát trên địa bàn tỉnh Yên Bái; ngày 27/5 và các ngày từ 30/5 đến ngày 03/6/2016, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra hoạt động của Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Dương tại mỏ đá hoa khu vực Khu Tu Ka, xã An Phú, huyện Lục Yên theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1528/GP-BTNMT ngày 19/8/2010 và khu vực Làng Lạnh, xã Liễu Đô, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1529/GP-BTNMT ngày 19/8/2010 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 24/6/2016 của Đoàn thanh tra, Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Dương (có địa chỉ trụ sở chính số 33 Kim Mã, quận Ba Đình, tp Hà Nội, điện thoại: 0437347786, fax: 0437347779) được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0101292119, đăng ký lần đầu ngày 03/9/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 04/11/2011, trong đó có ngành nghề tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến, tải chế, kinh doanh, xuất nhập khẩu khoáng sản.

2. Công ty được Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phép khai thác đá hoa theo 02 giấy phép:

2.1. Giấy phép số 1528/GP-BTNMT ngày 19/8/2010 tại khu vực Khu Tu Ka, xã An Phú, Lục Yên, tỉnh Yên Bái (diện tích 5,91 ha; cốt cao khai thác +120 m tại các khối trữ lượng 1-121, 2-121, 3-122, 4-122, 5-122, 6-122, 7-122; trữ lượng 1.444.706 m³, trong đó: đá hoa làm đá khối, ốp lát: 734.027 m³; đá hoa dùng làm bột carbomat canxi: 1.904.619 tấn; công suất 50.350 m³/năm, trong đó: đá hoa làm đá khối, ốp lát: 25.582 m³/năm; đá hoa dùng làm bột carbomat canxi: 66.378 tấn/năm; thời hạn khai thác 30 năm, kể từ ngày ký Giấy phép, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ: 01 năm).

2.2. Giấy phép số 1529/GP-BTNMT ngày 19/8/2010 tại khu vực Làng Lạnh, xã Liễu Đô, Lục Yên, tỉnh Yên Bái (diện tích 24,1 ha; cốt cao khai thác +240m tại các khối trữ lượng cấp 1-121, 2-122, 3-122, 5-122, 6-122; trữ lượng 11.805.700 m³, trong đó: đá hoa làm đá khối, ốp lát: 3.899.520 m³; đá hoa dùng làm bột carbomat canxi: 21.346.700 tấn; công suất 409.920 m³/năm, trong đó: đá hoa làm đá khối, ốp lát: 135.400 m³/năm; đá hoa dùng làm bột carbomat canxi: 741.204 tấn/năm (riêng năm thứ 2 là 327.940 m³, trong đó: đá hoa làm đá khối, ốp lát: 108.320 m³; đá hoa dùng làm bột carbomat canxi: 885.438 tấn); thời hạn khai thác: 30 năm kể từ ngày ký Giấy phép, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ: 01 năm).

II. KẾT QUẢ THANH TRA

II.1. Giấy phép số 1528/GP-BTNMT ngày 19/8/2010

1. Về lĩnh vực khoáng sản

- Đã thực hiện đo đạc, nhận bàn giao và cắm mốc khu vực được phép khai thác tại thực địa (Biên bản lập ngày 11/10/2013).

- Đã lập Thiết kế kỹ thuật thi công xây dựng công trình và phê duyệt tại Quyết định số 320/QĐ-TH-TD ngày 08/3/2012 của Hội đồng Quản trị Công ty. Tuy nhiên, tên thuyết minh thiết kế không thống nhất với tên trong quyết định phê duyệt. Công ty đã gửi thiết kế mỏ và quyết định phê duyệt về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái.

- Đã bổ nhiệm ông Nguyễn Quang Mạnh (Cử nhân khoa học ngành Địa chất) làm Giám đốc điều hành mỏ tại Quyết định số 06/QĐ-TH-TD ngày 15/5/2011 của Tổng Giám đốc; đã gửi hồ sơ, quyết định bổ nhiệm về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái.

- Đã đăng ký ngày bắt đầu xây dựng mỏ, đăng ký ngày bắt đầu khai thác.

- Kết quả khai thác, chế biến các năm 2013, 2014, 2015.

Năm	Sản lượng khai thác thực tế (m ³)	Hoạt động chế biến		
		Sản lượng đá làm đá khối, ốp lát thành phẩm (m ³)	Sản lượng đá làm đá xẻ các loại kích thước (m ³)	Sản lượng đá hoa trắng làm bột cacbonat canxi (m ³)
2013	384,11	384,11	-	-
2014	48,797	48,797	-	-
2015	16.872,685	1.609,811	540,604	14.722,27

- Thời điểm thanh tra, Công ty đang khai thác tại 03 moong trong diện tích được cấp phép; sử dụng dây cắt kim cương để cưa, cắt đá khối. Đá không đạt tiêu chuẩn ốp lát (đá hộc) được phá bằng đầu thủy lực lắp trên máy xúc nhằm tận dụng thu hồi đá làm bột và làm vật liệu xây dựng thông thường; chuẩn bị mặt bằng xây dựng xưởng chế biến đá. Đất đá trong quá trình san gạt mặt bằng khu chế biến được Công ty gạt xuống vị trí sườn núi bên cạnh gần với khu vực được thiết kế làm hồ lắng. Một số vị trí trên sườn dốc, trên đường vận tải, vị

trí khai thác có đá treo dễ trượt, trôi.

Công ty đã xây dựng 01 đập chắn và 01 hồ lắng nước mưa chảy tràn và nước thải trong quá trình khai thác đá như đã cam kết trong ĐTM (chiều dài hồ lắng khoảng 250 m, chiều rộng khoảng 150 m). Vị trí tuyến đường mở vỉa, vị trí bãi xúc trong khu vực khai thác, phương pháp vận tải áp dụng chưa đúng với thiết kế đã phê duyệt đang được Công ty đang tiến hành điều chỉnh để báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Đã thực hiện việc lập báo cáo định kỳ hoạt động khai thác; báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản (năm 2014 và 2015) gửi Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái.

- Đã lập bản đồ hiện trạng (năm 2014, 2015) tỷ lệ 1/2.000 thể hiện vị trí, độ cao các điểm đo khai trường, vách tầng khai thác, đường vận tải, ranh giới moong, tuyến và công trình thăm dò, khu nhà văn phòng, nhà xưởng nhưng chưa thể hiện ranh giới thuê đất, thông số hệ thống khai thác, tên bản vẽ chưa phù hợp. Bản vẽ mặt cắt hiện trạng tỷ lệ 1/1.000 thể hiện đường đồng mức, khối đá đã khai thác nhưng không trùng tuyến thăm dò trước đây, chưa thể hiện ranh giới khối trữ lượng, thông số hệ thống khai thác; tên bản vẽ chưa phù hợp.

2. Về lĩnh vực khác liên quan

* **Về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:** có Giấy phép sử dụng VLNCN số 447/GP-UBND ngày 18/3/2016 của UBND tỉnh Yên Bái, theo đó khối lượng nổ tức thời lớn nhất: 135 kg, tổng khối lượng VLN được phép sử dụng trong thời hạn của Giấy phép là 3.000 kg, thời hạn: 06 tháng kể từ ngày 18/3/2016.

*** Về lĩnh vực bảo vệ môi trường**

- Hoạt động khai thác mỏ đá hoa Khau Tu Ka, xã An Phú, huyện Lục Yên của Công ty có Báo cáo đánh giá tác động môi trường được UBND tỉnh Yên Bái phê duyệt tại Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 12/3/2010; Dự án cải tạo phục hồi môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 2148/QĐ-UBND ngày 30/12/2011. Đã thực hiện quan trắc, giám sát môi trường định kỳ 02 lần/năm (tháng 4 và tháng 11/2013, tháng 7 và tháng 11/2014, tháng 4 và tháng 10 năm 2015); có Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái cấp mã số QLCTNH 1500091.T. Công ty đã ký hợp đồng thu gom, xử lý chất thải nguy hại.

- Kế hoạch bảo vệ môi trường chưa được Công ty niêm yết công khai tại trụ sở Công ty và UBND xã An Phú; chưa có văn bản xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.

* **Về lĩnh vực đất đai:** Công ty đã ký Hợp đồng thuê đất số 23/2013/HĐTD ngày 12/7/2013 với UBND tỉnh Yên Bái, diện tích đất 646.039,9 m², thời hạn kể từ ngày 21/5/2013 đến hết 19/8/2040.

* **Về lĩnh vực tài nguyên nước:** Công ty đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép sử dụng nước.

* **Các nghĩa vụ tài chính:** Công ty đã thực hiện việc nộp tiền cấp quyền

khai thác khoáng sản năm 2015 là: 99.616.000 đồng; ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường; nộp thuế tài nguyên; chưa phải nộp tiền thuê đất (khấu trừ tiền từ nguồn kinh phí Công ty đã chi trả giải phóng mặt bằng).

*** Việc thực hiện Kết luận thanh tra, thông báo kết quả kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước**

Năm 2014 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái đã tiến hành thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên và môi trường tại mỏ Khau Tu Ka và đã có Kết luận thanh tra số 1827/KL-STNMT ngày 05/7/2014. Công ty đã báo cáo tình hình khắc phục gồm: lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng theo quy định tại Thông tư 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

II.2. Giấy phép số 1529/GP-BTNMT ngày 19/8/2010

1. Về lĩnh vực khoáng sản

- Đã thực hiện đo đạc, nhận bản giao và cắm mốc khu vực được phép khai thác tại thực địa (Biên bản lập ngày 11/10/2013).

- Đã lập Thiết kế kỹ thuật thi công xây dựng công trình và phê duyệt tại Quyết định số 321/QĐ-TH-TD ngày 08/3/2012 của Hội đồng Quản trị Công ty. Tuy nhiên, tên thuyết minh thiết kế không thống nhất với tên trong quyết định phê duyệt. Công ty đã gửi thiết kế mỏ và quyết định phê duyệt về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái.

- Đã bổ nhiệm ông Nguyễn Đăng Hòa (Bằng kỹ sư mỏ) làm Giám đốc điều hành mỏ tại 68A/QĐ-TH-TD ngày 28/5/2015 của Tổng Giám đốc; đã gửi hồ sơ và quyết định bổ nhiệm về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái, chưa gửi về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

- Đã đăng ký ngày bắt đầu xây dựng mỏ, đăng ký ngày bắt đầu khai thác.

- Kết quả khai thác, chế biến: Công ty vẫn đang tiến hành xây dựng cơ bản mỏ (đang xây dựng tuyến đường mở vỉa), khối lượng đá khối thu hồi được trong quá trình xây dựng cơ bản là 93 m^3 , đã tiêu thụ được $46,995 \text{ m}^3$ và đá học tận thu và tiêu thụ năm 2015 là $1.536,5 \text{ m}^3$.

- Thời điểm thanh tra, Công ty đang tiến hành xây dựng cơ bản mỏ, đã hoàn thành xây dựng khu vực nhà văn phòng, đang tiến hành hoàn thiện tuyến đường mở vỉa và xây dựng các moong khai thác ban đầu, bãi xúc trong mỏ.

- Đã thực hiện việc lập báo cáo định kỳ hoạt động khai thác; báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản (năm 2014 và 2015) gửi Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái.

- Đã lập bản đồ hiện trạng (năm 2014, 2015) tỷ lệ 1/2.000 thể hiện vị trí, độ cao các điểm đo khai trường, đường vận tải, khu nhà văn phòng, nhà xưởng, tuyến và công trình thăm dò nhưng chưa thể hiện ranh giới thuê đất, tên bản vẽ chưa phù hợp. Bản vẽ mặt cắt hiện trạng tỷ lệ 1/1.000 thể hiện đường đồng mức, khối đá đã khai thác nhưng chưa thể hiện ranh giới khối trữ lượng, công trình

thăm dò, tên bản vẽ chưa phù hợp.

2. Về lĩnh vực khác liên quan

* **Về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:** Có Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp số 896/GP-UBND ngày 16/5/2016 do UBND tỉnh Yên Bái cấp.

* Về lĩnh vực bảo vệ môi trường

- Hoạt động khai thác mỏ đá hoa khu vực Làng Lạnh xã Liễu Đô, huyện Lục Yên của Công ty có Báo cáo đánh giá tác động môi trường được UBND tỉnh Yên Bái phê duyệt tại Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 12/3/2010; Dự án cải tạo phục hồi môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 30/12/2011. Đã thực hiện quan trắc, giám sát môi trường định kỳ 02 lần/năm (tháng 4 và tháng 11/2013, tháng 7 và tháng 11/2014, tháng 4 và tháng 10 năm 2015); có Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái cấp mã số QLCTNH 1500091.T. Công ty đã có hợp đồng thu gom, xử lý chất thải nguy hại.

- Kế hoạch bảo vệ môi trường chưa được Công ty đã niêm yết công khai tại trụ sở Công ty và UBND xã Liễu Đô; chưa có văn bản xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.

* **Về lĩnh vực đất đai:** Công ty đã ký Hợp đồng thuê đất số 40/2012/HĐTD ngày 12/12/2012 với UBND tỉnh Yên Bái, diện tích đất 1.007.389,9 m² tại khu vực Làng Lạnh, xã Liễu Đô; thời hạn kể từ ngày 13/01/2012 đến hết ngày 19/8/2040.

* **Về lĩnh vực tài nguyên nước:** chưa có giấy phép sử dụng nước..

* **Các nghĩa vụ tài chính:** Công ty đã thực hiện việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2015 là: 350.000.000 đồng ; ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường; nộp thuế tài nguyên; chưa phải nộp tiền thuê đất (khấu trừ tiền từ nguồn kinh phí Công ty đã chi trả giải phóng mặt bằng).

III. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

Công ty chấp hành các quy định của pháp luật về khoáng sản gồm các nội dung: thực hiện đo đạc, nhận bản giao khu vực và cắm mốc khu vực được phép khai thác tại thực địa; lập, phê duyệt và nộp Thiết kế kỹ thuật thi công; bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ; ban hành nội quy an toàn lao động; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác; lập và gửi báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản, Báo cáo thống kê kiểm kê trữ lượng khoáng sản; lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng; quan trắc và giám sát môi trường, có sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; ký hợp đồng thuê đất; nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và thực hiện các nghĩa vụ tài chính.

Công ty đã báo cáo tình hình khắc phục hoạt động khai thác mỏ Kha Tu Ka (Giấy phép số 1528/GP-BTNMT ngày 19/8/2010) theo yêu cầu của Sở Tài

nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái tại Văn bản số 827/KL-STNMT ngày 22/6/2015.

2. Những tồn tại, vi phạm trong hoạt động khoáng sản

a) Bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng chưa thể hiện ranh giới thuê đất, ranh giới khối trữ lượng, công trình thăm dò, thông số hệ thống khai thác; tên bản vẽ chưa phù hợp.

b) Chưa lập hồ sơ đề nghị xác nhận đã hoàn thành các công trình biện pháp bảo vệ môi trường tại mỏ; chưa niêm yết công khai kế hoạch bảo vệ môi trường.

c) Đối với mỏ Làng Lạnh, xã Liêu Đô (Giấy phép số 1529/GP-BTNMT ngày 19/8/2010): Hoạt động khai thác chưa bảo đảm tiến độ hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ và giấy phép được cấp; Công ty chưa gửi hồ sơ và quyết định bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

Xét đề nghị của Công ty, tình hình thực tế hoạt động khai thác tại các mỏ, mức độ vi phạm về Giám đốc điều hành mỏ (Làng Lạnh), Đoàn Thanh tra, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam không xử lý hành vi này.

IV. KIẾN NGHỊ

1. Đối với Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Dương

Yêu cầu Công ty:

a) Thường xuyên kiểm tra hiện trạng các mốc giới khu vực khai thác, đảm bảo không để vùi lấp, hư hỏng; hàng năm thực hiện Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản theo Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012; lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản; thống kê kiểm kê trữ lượng khoáng sản theo Thông tư số 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Lập hồ sơ đề nghị xác nhận đã hoàn thành các công trình biện pháp bảo vệ môi trường tại mỏ; niêm yết, công khai kế hoạch bảo vệ môi trường.

c) Đối với Giấy phép số 1528/GP-BTNMT ngày 19/8/2010 (mỏ Khau Tu Ka, xã An Phú):

- Xử lý các vị trí có đá treo trên sườn dốc, trên đường vận tải, vị trí khai thác, thu hồi khoáng sản; thu dọn vận chuyển đá thải về bãi thải, đá sản phẩm về vị trí tập kết theo thiết kế mỏ đã phê duyệt. Tổ chức hoạt động khai thác theo nội dung các giấy phép, tiến độ dự án.

- Quá trình xây dựng công trình phục vụ hoạt động khai thác, chế biến nếu phát hiện khoáng sản có thể thu hồi phải báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam xem xét, chấp thuận; đồng thời phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính liên quan.

- Trường hợp điều chỉnh thiết kế mỏ, Công ty phải phê duyệt lại và gửi quyết định phê duyệt, thiết kế điều chỉnh về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh

Yên Bái, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

d) Đối với Giấy phép số 1529/GP-BTNMT ngày 19/8/2010 (mỏ Làng Lạnh, xã Liễu Đô): Gửi hồ sơ và quyết định bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

- Công ty có báo cáo bằng văn bản kết quả khắc phục các tồn tại, vi phạm nêu trên gửi về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam trước ngày 30/9/2016. Trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam sẽ báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, xử lý theo quy định.

2. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái chỉ đạo các Sở, ban ngành liên quan theo dõi, đôn đốc việc thực hiện của Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Dương đối với các yêu cầu nêu trên./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để b/cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Linh Ngọc (để b/cáo);
- Thanh tra Bộ TN&MT;
- UBND tỉnh Yên Bái;
- Sở TN & MT tỉnh Yên Bái;
- Cty cổ phần Tập đoàn Thái Dương;
- Lưu VP, KSMB, M (10).

cho

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Đỗ Cảnh Dương
Đỗ Cảnh Dương

